

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 91/2018/DSST

Ngày 31/10/2018

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: tham gia phiên tòa có ông Lương Thành Trung – KSV.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 về: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Hà Minh T**, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 88/15 đường Lê Lai, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Thanh N**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Bà **Trần Thị Kim N**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã S, huyện H, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Hà Minh T trình bày:**

Vào năm 2016 ông Trần Thanh N có điện thoại trao đổi mua bán phân bón với tôi, nội dung là ông N sẽ lấy phân của tôi và thanh toán bằng tiền mặt khi nhận hàng. Vào

ngày 01/8/2016 khi tôi giao 30 tấn phân bón NPK N thỏa thuận thì ông N không có ở nhà nhận mà cho vợ tên Trần Thị Kim N nhận với lý do ông N đi rút tiền về chưa kịp. Tôi đã đợi đến chiều mới gặp ông N thì ông N nói hôm nay cuối tuần không rút được tiền, bảo tôi về đi, đầu tuần sau sẽ trả dứt điểm số tiền nợ là 262.000.000 đồng cho tôi, Nng ông N không thực hiện đúng lời hứa. Đến ngày 20/9/2016 tôi có đến nhà ông N để thu nợ, có gặp bà Kim N và bà N đã viết giấy cam kết với tôi ngày 10/10/2016 sẽ trả đủ. Từ đó đến nay tôi đã nhiều lần yêu cầu ông N và bà N thanh toán nợ cho tôi Nng ông bà không thực hiện.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông N, bà N phải trả cho tôi số tiền mua phân là 262.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/10/2016 đến nay là 24 tháng, cụ thể là $262.000.000 \times 0,75\% \times 24 \text{ tháng} = 47.160.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 309.160.000 đồng.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2018, bị đơn ông Trần Thanh N trình bày:**

Tôi có mua phân bón của ông T số lượng là 30 tấn để về kinh doanh bán lại cho người khác. Tôi có thiếu tiền phân của ông T là 262.000.000 đồng và tôi có viết giấy cam kết trả nợ cho ông T, Nng do làm ăn không gặp thuận lợi nên tôi chưa thanh toán được nợ cho ông T. Nay tôi không đồng ý trả tiền cho ông T vì lý do ông T đã cho người đi dán các băng rôn đòi nợ tôi làm mất danh dự, uy tín và ảnh hưởng đến việc kinh doanh của tôi rất nhiều.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hà Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm N sau:*

Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 27 đến Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị HĐXX xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, cũng N các tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Thanh N và bà Trần Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần Nng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N, bà N.

3. Về việc áp dụng pháp luật: Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Hà Minh T và ông Trần Thanh N và bà Trần Thị Kim N được xác lập vào năm 2016 nên khi phát sinh tranh chấp sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

4. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở xác định rằng: Vào ngày 01/8/2016 vợ chồng ông N và bà N có hợp đồng mua bán phân bón NPK của ông T số lượng là 30 tấn với số tiền là 262.000.000 đồng. Ông N, bà N đã nhận hàng Nng chưa thanh toán tiền phân cho ông T. Vợ chồng ông N, bà N đều lần lượt viết biên nhận cho ông T vào các ngày 20/9/2016 và ngày 16/3/2017 để nhận nợ số tiền 262.000.000 đồng và cam kết sẽ trả tiền mua phân cho anh T Nng cuối cùng vẫn không thực hiện việc trả nợ. N vậy ông N, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005: “Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm ... đã thỏa thuận...”.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ vào khoản 2 Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: “Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật này...”. N vậy việc vợ chồng ông N, bà N cam kết trả nợ Nng không thực hiện đúng khi đến thời hạn nên ông N, bà N phải chịu trách nhiệm trả lãi chậm trả cho ông T là phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể số tiền lãi phải trả là $262.000.000đ \times 0,75\% \times 24 \text{ tháng} = 47.160.000 \text{ đồng}$.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, bị đơn ông Trần Thanh N đã thừa nhận nợ ông T số tiền 262.000.000 đồng Nng không đồng ý trả vì lý do ông T đã cho người đi dán các băng rôn đòi nợ làm mất danh dự, uy tín và ảnh hưởng đến việc kinh doanh của ông N. Lý do của ông N đưa ra để trốn tránh nghĩa vụ trả tiền của mình là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh T, buộc vợ chồng ông N, bà N có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền gốc 262.000.000 đồng và tiền lãi là 47.160.000 đồng. Tổng cộng là 309.160.000 đồng.

Về án phí: Ông N, bà N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 305, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Minh T đối với ông Trần Thanh N và bà Trần Thị Kim N.

Buộc ông Trần Thanh N và bà Trần Thị Kim N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hà Minh T số tiền **309.160.000 đồng** (*Ba trăm linh chín triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

- Ông Trần Thanh N và bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.458.000 đồng (Mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng).

- Ông Hà Minh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.550.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003455 ngày 07/5/2018 và 1.572.000 đồng (Một triệu, năm trăm bảy mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009065 ngày 10/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Thanh N và bà Trần Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đường sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc